TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2025/QĐST-VHNGĐ	*Sầm Sơn, ngày 03 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Cao Văn S - sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Dư Thị Đ – sinh năm: 1975;

ĐKHKTT: Tổ dân phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 18, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Văn S và chị Dư Thị Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa) vào năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và không quan tâm, không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, anh S, chị Đ thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014; việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2] Về con chung: Anh Cao Văn S và chị Dư Thị Đ có 01 con chung là cháu Cao Thị Ánh M, sinh ngày 29/8/2015. Ly hôn anh chị thống nhất giao con chung cho chị Dư Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 2 năm 2025 cho đến khi cháu M thành niên. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị về người nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận là đúng với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Cao Văn S là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn tiền lệ phí thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Nên anh Cao Văn S được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Chị Dư Thị Đ thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, nên chị phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Cao Văn S và chị Dư Thị Đ.

- Về con chung: Anh Cao Văn S và chị Dư Thị Đ có 01 con chung là cháu Cao Thị Ánh M sinh ngày 29/8/2015. Giao chị Dư Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Thị Ánh M cho đến khi cháu thành niên. Anh Cao Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 2 năm 2025 cho đến khi cháu M thành niên. Anh S có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Cao Văn S là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn tiền lệ phí thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Nên anh Cao Văn S được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Chị

Dư Thị Đ nộp 150.000 đồng (Một trăm năm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/24 số 0001284 ngày 08/01/2025 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Sầm Sơn (chị Đ đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS TP Sầm Sơn;
- UBND phường T;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Phong